

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ NHÂN ĐẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ
MÃ NGÀNH/ NGHỀ: 5510216
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐCTr-NĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Nhân Đạo)*

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

Thời gian khoá học: 02 năm.

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

- Với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật và nhu cầu xã hội, công nghệ ô tô trở thành lĩnh vực mũi nhọn của nền kinh tế toàn cầu. Cụ thể, ngành nghề này đang ngày càng cho thấy những tiềm năng lớn mạnh.

- Ngành công nghiệp vẫn giữ được phong độ tích cực trước những biến động của nền kinh tế: Trong khi nhiều ngành nghề khác chịu ảnh hưởng lớn của dịch COVID-19 thì công nghệ ô tô vẫn có những bước tiến ngoạn mục ở 6 tháng cuối năm 2020. Không những thế, thị trường này hứa hẹn sẽ có những chuyển biến tích cực và mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Nhu cầu lớn về nguồn nhân lực: Trong xu thế hội nhập, nhu cầu mua sắm các loại phương tiện di chuyển đặc biệt là ô tô đang có tốc độ gia tăng nhanh chóng. Thực tế này kéo theo nhu cầu về nguồn nhân lực ngày một tăng trong tương lai.

- Theo định hướng của Bộ Công thương, từ 2025 đến 2035, Việt Nam sẽ giảm dần nhập khẩu và tập trung sản xuất, xuất khẩu ô tô.

- Cùng với định hướng này, việc các "Doanh nghiệp lớn" tham gia thị trường sản xuất lắp ráp ô tô như Vinfast, TC Motor... cũng phần nào giúp cho thị trường ngành công nghiệp ô tô có nhiều triển vọng khởi sắc, tích cực.

- Các thương hiệu ô tô hàng đầu thế giới như: BMW, Toyota, Honda, Ford, Audi,... tại Việt Nam thường xuyên tuyển dụng nhưng cung vẫn không đủ cầu.

- Điều này cho thấy, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đang có tiềm năng phát triển to lớn, đi kèm với nhu cầu nhân lực tăng cao. Đây là cơ hội hấp dẫn cho người học đam mê ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.

- Công nghệ ô tô là nghề kỹ thuật bao gồm các hoạt động chuyên môn như sản xuất, lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa phụ tùng, động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực (gầm ô tô); chuẩn đoán tình trạng kỹ thuật và các pan bệnh của các hệ thống trên ô tô; vận hành, kiểm tra động cơ và ô tô; thực hiện các công việc gia công hỗ trợ như hàn điện, hàn hơi, gò, sửa dụng các thiết bị nghề nguội.

- Những kiến thức chuyên môn cơ bản, cần thiết giúp người học có thể vận dụng trong công việc được trang bị dưới dạng tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khác nhau như cơ khí, tự động hóa, điện – điện tử, công nghệ chế tạo máy móc, quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô như điều hành sản xuất phụ tùng, lắp ráp, cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng...

- Chương trình đào tạo được chia làm 3 phần.

+ Phần 1: Các môn học chung.

+ Phần 2: Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở.

+ Phần 3: Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô. Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực.

- Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa. Đào tạo trình độ trung cấp nghề Công nghệ Ô tô đảm bảo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;
- Trình bày được các quy chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, xanh hoá, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng.
- Hiểu được nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các chi tiết và tổng thành trên xe ô tô.
- Có kiến thức về trình tự tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng của Động cơ, hệ thống Gầm, hệ thống Điện - Điện tử ô tô...
- Có kiến thức về các thiết bị kiểm định, chẩn đoán, dụng cụ đo lường.
- Giải thích được bản vẽ kỹ thuật, kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;

- Trình bày được phương pháp quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô; nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh theo quy định, quân sự phổ thông, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự;
- Có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; biết áp dụng và thực hiện trong cuộc sống và sinh hoạt ở nhà trường và xã hội; đồng thời tuyên truyền, vận động được gia đình, người thân, bạn bè cùng thực hiện.
- Trình bày khái niệm chuyển đổi số, học liệu số, số hóa dữ liệu.
- Trình bày phương pháp số hóa lưu trữ dữ liệu thiết kế.
- Trình bày số hóa dữ liệu hình ảnh trên bản vẽ thiết kế hệ thống điện, khung xe, nội thất, thiết bị xe ô tô...
- Trình bày phương pháp số hóa dữ liệu video clip thực hành, mô phỏng.
- Hiểu biết về an ninh, an toàn và văn hoá ứng xử khi tham gia môi trường số.

2.2.2. Kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;
- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Thực hiện tốt nội dung 5S, bảo vệ môi trường;
- Lắp được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lắp được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;
- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.
- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phân biệt và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Số hóa các dữ liệu, hình ảnh, video clip bằng phần mềm công nghệ số.
- Sử dụng các phần mềm ứng dụng chuyển đổi số thành thạo như thiết kế, vẽ lại, dựng mô hình 2D 3D bố trí hệ thống điện, khung xe, nội thất, thiết bị xe ô tô...

- Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số thành thạo để số hóa dữ liệu như máy scan, máy in, máy chụp hình, máy quay, ...

- Chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin số trong học tập và làm việc.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

- Thực hiện số hóa đúng kỹ thuật, chính xác nội dung, an toàn thông tin.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;

- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;

- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;

- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;

- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;

- Sửa chữa gầm ô tô;

- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;

- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1650 giờ/70 tín chỉ.

- Số lượng môn học, mô đun: 30

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/11 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1395 giờ/59 tín chỉ.

- Khối lượng lý thuyết: 448 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm, thảo luận: 1110 giờ.

Thi/kiểm tra : 102 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Sử dụng máy tính thành thạo. Áp dụng kiến thức về Công nghệ thông tin và truyền thông, ứng dụng công nghệ số.
2	NLCB-02	Làm việc hiệu quả trong nhóm.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
3	NLCB-03	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày.
4	NLCB-04	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản.
5	NLCB-05	Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông thường.
6	NLCB-06	Thực hiện bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên.
7	NLCB-07	Triển khai các ý tưởng khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
8	NLCB-08	Duy trì kiến thức ngành nghề.
9	NLCB-09	Hoàn thiện và phát triển bản thân, hội nhập quốc tế.
10	NLCB-10	Thực hiện sơ cứu cơ bản.
11	NLCB-11	Tư duy năng suất chất lượng và ứng dụng công nghệ số.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Thực hiện các biện pháp an toàn khi làm việc
2	NLCL-02	Vẽ, đọc được bản vẽ kỹ thuật cơ bản.
3	NLCL-03	Sử dụng phần mềm mô phỏng linh hoạt.
4	NLCB-04	Sử dụng dụng cụ cầm tay.
5	NLCB-05	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra.
6	NLCB-06	Phân tích hồ sơ thi công
7	NLCL-07	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nghề Công nghệ ô tô.
8	NLCL-08	Tham gia thiết kế, chế tạo, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô truyền thống, xe ô tô điện và các chi tiết, phụ tùng của ô tô.
9	NLCL-09	Định hướng, nghiên cứu, xây dựng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật cho các lĩnh vực liên quan đến ngành ô tô, vấn đề chuyên môn.
10	NLCL-10	Áp dụng được các kiến thức cơ sở về sức bền, vật liệu, đo lường, ... để giải các bài toán kỹ thuật.
11	NLCL-11	Phân tích được nguyên lý hoạt động của các máy, thiết bị phổ biến sử dụng động cơ đốt trong.
12	NLCL-12	Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các cơ cấu, hệ thống trên xe ô tô truyền thống, xe điện và xe chuyên dùng.
13	NLCL-13	Tính toán, thiết kế được các cơ cấu và hệ thống cơ bản trên ô tô.
14	NLCL-14	Sử dụng thành thạo dụng cụ đồ nghề sửa chữa thiết bị điện đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật.
15	NLCL-15	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị bảo hộ an toàn

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
		đúng kỹ thuật, sơ cứu được nạn nhân khi xảy ra sự cố.
16	NLCL-16	Lập được quy trình sản xuất, chế tạo, lắp ráp ô tô.
17	NLCL-17	Phân tích được hoạt động của các hệ thống công nghệ mới trên các xe ô tô.
18	NLCL-18	Phân tích, chẩn đoán được các dạng hư hỏng trên ô tô.
19	NLCL-19	Đọc hiểu và xây dựng được bản vẽ kỹ thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế như CAD, Inventor....
20	NLCL-20	Khai thác, vận hành, quản lý được các trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng, gara ô tô... .
21	NLCL-21	Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được các loại ô tô, các máy móc phổ biến sử dụng động cơ đốt trong.
22	NLCL-22	Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử công suất trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất cơ bản.
23	NLCL-24	Tư vấn, chuyển giao hệ thống công nghệ trong lĩnh vực ô tô.
24	NLCL-25	Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Chủ động linh hoạt trong quá trình học tập, làm việc, có kỹ năng thuyết trình, tìm kiếm và xử lý thông tin liên quan đến nghề Công nghệ Ô tô.
2	NLNC-02	Có khả năng làm việc nhóm, đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm; Có trách nhiệm trong hướng dẫn, giám sát công việc của người liên quan để thực hiện đúng quy trình công việc được giao.
3	NLNC-03	Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình theo nguyên tắc an toàn nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; Tự cập nhật những quy định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác; Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn; Có khả năng tự khởi nghiệp.
4	NLNC-04	Tính toán, lập báo cáo, thuyết trình, phân biện, tổ chức công việc cá nhân; lập kế hoạch, điều phối công việc khi làm việc nhóm.
5	NLNC-05	Lập được bản vẽ thiết kế hệ thống khung xe, điện, nội thất xe.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
6	NLNC-06	Chạy thử hệ thống, điều chỉnh các thông số kỹ thuật.
7	NLNC-07	Tính, chọn được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy.
8	NLNC-08	Lập được kế hoạch thi công lắp ráp hệ thống trên xe ô tô.
9	NLNC-09	Phân tích, tìm nguyên nhân hư hỏng của hệ thống xe.
10	NLNC-10	Lập quy trình, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế các phần tử hư hỏng trên xe.
11	NLNC-11	Nghiệm thu và bàn giao.

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
MH 02	Tin học	2	45	15	29	1
MH 03	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	59	1395	354	952	89
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	300	114	159	27
MH 07	Xanh hoá và sử dụng năng lượng mới xe Ô tô	2	30	20	7	3
MH 08	Điện kỹ thuật	2	30	20	7	3
MĐ 09	Điện tử cơ bản	2	30	10	17	3
MH 10	An toàn lao động	2	30	16	11	3
MĐ 11	Thực hành nguội cơ bản	3	75	20	50	5

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MD 12	Thực hành hàn cơ bản	2	45	12	29	4
MD 13	Thực hành Autocad	1	30	8	19	3
MD 14	Thực hành mạch điện cơ bản	1	30	8	19	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	44	1095	240	793	62
MD15	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	45	15	26	4
MD16	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu – thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	2	45	15	26	4
MD17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	45	15	26	4
MD18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	26	4
MD19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	26	4
MD20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	2	45	15	26	4
MD21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống khởi động, đánh lửa	2	45	15	26	4
MD22	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô 1, 2	2	45	15	26	4
MD23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	2	60	15	41	4
MD24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	60	15	41	4
MD25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	60	15	41	4
MD26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	60	15	41	4
MD27	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	
MD28	Bảo dưỡng và sửa chữa xe gắn máy	4	90	30	55	5
MD29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống	3	60	15	41	4

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
	điều hòa không khí trên ô tô					
MD30	Kỹ thuật lái ô tô	3	75	15	55	5
Tổng cộng		71	1650	448	1110	100

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc áp dụng thực hiện theo chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và đã được trường tổ chức điều chỉnh, cập nhật tài liệu tham khảo phù hợp.

7.2. Thực hiện chương trình đối với đào tạo theo niên chế

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo và có đủ điều kiện (theo quy chế kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp) mới được dự thi tốt nghiệp.

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đối với đào tạo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo mới được xét công nhận tốt nghiệp.

7.4. Giảng dạy trực tuyến các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

Có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến đối với các môn học chung và các môn học đã xây dựng đủ học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

7.5. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất;

- Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Hội diễn văn nghệ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, các giải thể dục thể thao cấp trường;

- Nghe nói chuyện thời sự, chuyên đề.

7.6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Giáo viên thực hiện phương pháp, đánh giá học sinh khi kết thúc môn học, mô đun theo Quy định cách thức thi kết môn học/mô đun đã được Hiệu trưởng quy định trong chương trình khung của nghề;

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo Ban Giám hiệu đã phê duyệt theo từng năm học;

- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giáo viên bộ môn phải hoàn chỉnh đầy đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;

- Việc tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (đề thi, chấm thi, tổng kết điểm, công bố điểm,...) theo đúng đúng quy chế thi, kiểm tra do Bộ LĐ-TB&XH, Trường quy định.

7.7. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Căn cứ quyết định công nhận học sinh trúng tuyển đầu khóa học có xác định phương thức đào tạo, cuối khóa học học sinh được Trường tổ chức 01 trong 02 phương thức sau:

7.7.1. Đối với đào tạo theo niên chế

- Tổ chức thi tốt nghiệp.
- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học; quy định nội quy thi, kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

7.7.2. Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả thi kết thúc môn học/mô đun của người học; quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (học tập, nội quy thi, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp) đối với người học trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

7.8. Các chú ý khác

- Khi xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và tiến độ thực hiện giảng dạy từng năm cần chú ý: Số giờ phân bổ trong bảng danh mục các môn học/ mô đun là số giờ đã quy chuẩn (01 giờ lý thuyết là 45 phút, 01 giờ thực hành là 60 phút, 01 giờ tích hợp là 60 phút); nên khi triển khai phải quy đổi lại số giờ thực hành cho đủ và khớp với giờ đồng hồ, khớp với số tuần phân bổ:

01 tuần học tập = 30 giờ chuẩn = 30 giờ lý thuyết = 40 giờ thực hành.

- Số giờ dành cho kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun được tính vào thời gian của từng môn học mô đun nên khi xây dựng kế hoạch toàn khóa và tiến độ năm học không cần cộng thêm thời gian dành cho "kiểm tra, thi".



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Minh Tiếng